

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHƯỚC LONG
TỈNH BẠC LIÊU**

Bản án số: 87/2021/DSST

Ngày 01/11/2021

V/v tranh chấp hợp đồng vay tiền.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Thanh T

Các Hội thẩm nhân dân:

1/. Bà Nguyễn Hồng L;

2/. Ông Trần Văn P.

- Thư ký phiên tòa: Ông Danh Văn A – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Vũ L - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 188/2020/TLST-DS, ngày 24 tháng 6 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng vay tiền” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 207/2021/QĐST- DS ngày 30 tháng 9 năm 2021 và các Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2021/QĐST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2021 giữa:

1/. Nguyên đơn: Ngân hàng T mại cổ phần K L;

Địa chỉ: số 40-42-44, đường Phạm Hồng Thái, phường Vĩnh Thanh Vân, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần T A, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Võ Tấn Đ, chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Phước Long.

2/. Bị đơn: Ông L V B, sinh năm 1962;

Bà Đ T X, sinh năm 1964.

Địa chỉ: ấp Nội Ô, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

3/. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1/. Ông L V C, sinh năm 1965;

3.2/. Bà N T H T, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp Mỹ Trinh, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

3.3/. Anh L T T, sinh năm 1985;

3.4/. Chị L T C, sinh năm 1989.

Địa chỉ: ấp Nội Ô, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

Bà X, anh T, chị C ủy quyền cho ông L V B tham gia tố tụng.

(Anh Đ, ông B, ông C và bà T có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo người đại diện theo ủy quyền cho nguyên đơn ông Võ Tấn Đ trình bày: Vào ngày 23/5/2018 Ngân hàng T mại cổ phần K L có ký hợp đồng tín dụng số 159/18/HĐTD/0203-5606 với ông L V B và bà Đ T X để cho ông B, bà X vay số tiền nợ gốc là 290.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất thỏa thuận trong hạn là 10,98%/ năm và các điều khoản khác thể hiện trong hợp đồng tín dụng. Để đảm bảo cho khoản vay tiền này, ông B và bà X có ký hợp đồng thế chấp số 159/18/HĐTC-BDS/0203-5606 ngày 23/5/2018 theo đó ông B, bà X thế chấp cho Ngân hàng phần đất diện tích 7.856,5 m² thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 05 và phần đất diện tích 3.375,3 m² thuộc thửa đất số 1045 tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp Mỹ Trinh, xã Hưng Phú, huyện Phước Long đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L V B và bà Đ T X. Từ khi vay tiền đến nay ông B, bà X chưa thanh toán đủ tiền gốc, lãi cho Ngân hàng và khoản vay hiện tại đã chuyển sang nợ quá hạn. Nay Ngân hàng T mại cổ phần K L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Phước Long buộc ông L V B và bà Đ T X trả tiền cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 01/11/2021 tổng số tiền gốc và lãi là 453.713.582 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/11/2021 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông B, bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng K L có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 159/18/HĐTC-BDS/0203-5606 ngày 23/5/2018 để ưu tiên thanh toán nợ cho Ngân hàng K L.

Bị đơn ông L V B đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Đ T X, anh L T T và chị L T C có lời khai trình bày: Thừa nhận vào ngày 23/5/2018 có ký hợp đồng tín dụng số: 159/18/HĐTDNT/0203-5606 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 159/18/KUNN.CN ngày 24/5/2018 với Ngân hàng T mại cổ phần K L để vay số tiền là 290.000.000 đồng. Mục đích vay là để sản xuất nông nghiệp, nuôi heo; thời hạn vay là 12 tháng, với lãi suất thỏa thuận là 10,98%/năm và các điều khoản khác trong hợp đồng. Để đảm bảo khoản nợ vay trên, ông B, bà X có thế chấp cho Ngân hàng T mại cổ phần K L 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất diện tích 7.856,5 m² thuộc thửa đất số 97, tờ bản đồ số 05 và phần đất diện tích 3.375,3 m² thuộc thửa đất số 1045 tờ bản đồ số 05, tọa lạc ấp Mỹ Trinh, xã Hưng Phú, huyện Phước Long đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông L V B và bà Đ T X thể hiện qua hợp đồng thế chấp số: 159/18/HĐTC-BDS/0203-5606 ngày 23/5/2018. Phần đất thế chấp hiện ông B, bà X đang

C cố cho ông L V C bằng số tiền 100.000.000 đồng và 03 lượng vàng 24k. Do làm ăn thất bại nên ông, bà đã không trả nợ đầy đủ theo cam kết đối với Ngân hàng. Ông B, bà X đồng ý theo tất cả các yêu cầu của Ngân hàng nhưng xin được trả tiền thành nhiều lần.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông L V C và bà Nguyễn Thị Hoài T có lời khai trình bày: Khoảng năm 2015, ông L V B và bà Đ T X có cố cho ông C, bà T toàn bộ 02 phần đất với số tiền 100.000.000 đồng và 03 lượng vàng 24k, việc cố đất không có làm giấy tờ, khi nào ông B, bà X có tiền thì cho chuộc lại đất, hiện tại 02 phần đất nêu trên ông, bà đang canh tác. Trong trường hợp buộc ông, bà phải giao trả lại đất để thực hiện nghĩa vụ thế chấp, thì ông, bà yêu cầu ông L V B, bà Đ T X phải trả lại số tiền 100.000.000 đồng và 03 lượng vàng 24k.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng theo trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Về nội dung vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T mại cổ phần K L; buộc ông L V B, bà Đ T X có nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng T mại cổ phần K L tạm tính đến ngày 01/11/2021 tổng số tiền 453.713.582 đồng (trong đó, tiền gốc là 290.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 32.355.897 đồng, tiền lãi quá hạn là 122.252.877 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 9.104.808 đồng), tiền lãi phát sinh từ ngày 02/11/2021 cho đến khi ông B, bà X hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Trong trường hợp ông B, bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi đối với các phần đất đã thế chấp thể hiện qua hợp đồng thế chấp số 159/18/HĐTC-BDS/0203-5606 ngày 23/5/2018 để thu hồi nợ. Do các phần đất thế chấp hiện tại ông B, bà X đang C cố cho ông L V C và bà N T H T, việc ông B, bà X C cố 02 thửa đất cho ông C, bà T là vi phạm điều cấm của pháp luật nên hợp đồng C cố này không phát sinh hiệu lực và vô hiệu tại thời điểm xác lập. Căn cứ vào Điều 127 của Bộ luật dân sự năm 2005, đề nghị tuyên bố giao dịch C cố quyền sử dụng đất giữa ông B, bà X với ông C, bà T là vô hiệu. Buộc ông B, bà X có nghĩa vụ hoàn trả cho ông C, bà T 03 lượng vàng 24k và số tiền 100.000.000 đồng. Buộc ông C, bà T trong thời hạn 05 tháng có nghĩa vụ giao trả cho ông B, bà X 02 phần đất 7.856,5 m² và phần đất diện tích 3.375,3 m². Về chi phí thẩm định, căn cứ Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự, buộc ông B, bà X phải chịu. Về án phí, căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết 326/2016, ông B, bà X có nghĩa vụ phải chịu tiền án phí có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng T mại cổ phần K L kiện ông L V B và bà Đ T X về tranh chấp hợp đồng vay tiền tại Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu. Ông B, bà X có địa chỉ cư trú tại ấp Nội Ô, thị trấn Phước Long, huyện Phước Long nên căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Phước Long. Anh Đ, ông B có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên việc xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T mại cổ phần K L đối với ông L V B, bà Đ T X về tiền vay: Cả người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng T mại cổ phần K L, ông L V B đều xác định, vào ngày 23/5/2018 có ký hợp đồng tín dụng số: 159/18/HĐTDNT/0203-5606 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 159/18/KUNN.CN ngày 24/5/2018 với Ngân hàng T mại cổ phần K L để vay số tiền là 290.000.000 đồng. Mục đích vay là để sản xuất nông nghiệp, nuôi heo; thời hạn vay là 12 tháng, với lãi suất thỏa thuận là 0,915%/tháng và các điều khoản khác trong hợp đồng. Do làm ăn thất bại nên ông B, bà X đã không trả nợ đầy đủ theo cam kết đối với Ngân hàng, khoản vay nợ đã chuyển sang nợ quá hạn. Ngân hàng T mại cổ phần K L yêu cầu ông L V B và bà Đ T X trả tiền cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 01/11/2021 tổng số tiền gốc và lãi là 453.713.582 đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/11/2021 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ. Về phía ông B và bà X đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T mại cổ phần K L nhưng cho bà xin trả dần. Hội đồng xét xử thấy rằng, lời thừa nhận nợ của ông B, bà X là chứng cứ không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự nên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T mại cổ phần K L, buộc ông B, bà X có nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng T mại cổ phần K L tạm tính đến ngày 01/11/2021 tổng số tiền gốc và lãi là 453.713.582 đồng (trong đó, tiền gốc là 290.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn 32.355.897 đồng, tiền lãi quá hạn là 122.252.877 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 9.104.808 đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 02/11/2021 theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến ngày thanh toán dứt nợ.

[4] Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/ hoặc tài sản gắn liền với đất số 159/18/HĐTC-BĐS/0203-5606 ngày 23/5/2018, cụ thể như sau:

[4.1] Qua khảo sát, đo đạc phần đất thửa số 97, tờ bản đồ số 05 diện tích 7.865,5 m², tọa lạc ấp Mỹ Trinh, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, do hộ ông L V B và bà Đ T X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì phần đất có kích thước và định vị như sau:

Phía đông giáp đất ông Trương Văn Phụng, có cạnh 31,2 mét và L V C, có cạnh 19,4 mét;

Phía tây giáp đất ông L V B, có cạnh 51,2 mét.

Phía nam giáp đất ông L V C, có cạnh 153 mét.

Phía bắc giáp các phần đất từ đất ông Trương Văn Phụng đến phần đất ông Lê Văn Mol, có cạnh 153,9 mét.

Hiện đất do ông L V C và bà Nguyễn Thị Hoài T đang quản lý, sử dụng.

[4.2] Qua khảo sát, đo đạc phần đất thửa 1045, tờ bản đồ số 05 diện tích 3.375,3 m², tọa lạc ấp Mỹ Trinh, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, do hộ ông L V B và bà Đ T X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì phần đất có kích thước và định vị như sau:

Phía đông giáp đất ông L V B, có cạnh 51,2mét;

Phía tây giáp đất ông Nguyễn Văn Nghiệp, có cạnh 28,8 mét và đất ông Lê Văn Việt, có cạnh 19,8 mét + 2,32 mét.

Phía nam giáp đất ông Lê Văn Quân, có cạnh 63,7 mét.

Phía bắc giáp đất ông Lê Văn Mol, có cạnh 24,6 mét và đất ông Lê Văn Nghiệp, có cạnh 35,8 mét + 8,72 mét.

Hiện đất do ông L V C và bà Nguyễn Thị Hoài T đang quản lý, sử dụng.

[4.3] Tại Điều 10 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/ hoặc tài sản gắn liền với đất số 159/18/HĐTC-BĐS/0203-5606 ngày 23/5/2018 được ký giữa Ngân hàng T mại cổ phần K L với ông L V B, bà Đ T X có quy định “1 Bên A (Ngân hàng) được quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi một phần hoặc toàn bộ các khoản phải trả, kể cả các khoản phải trả chưa đến hạn nếu “Khi đến hạn trả bất kỳ khoản nào trong các khoản phải trả mà bên B (ông B, bà X) không trả cho bên A (Ngân hàng) đầy đủ các khoản phải trả đến hạn đó””. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T mại cổ phần K L yêu cầu trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu ông B, bà X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ số tiền còn nợ thì Ngân hàng K L có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền tiến hành kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp để thu hồi nợ, là yêu cầu có cơ sở chấp nhận. Tuy nhiên, hiện tại các phần đất thế chấp ông B, bà X đang C cố đang cho ông L V C, bà Nguyễn Thị Hoài T nhưng không được sự đồng ý của Ngân hàng T mại cổ phần K L là vi phạm vào Điều 6 của hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/ hoặc tài sản gắn liền với đất số 159/18/HĐTC-BĐS/0203-5606 ngày 23/5/2018. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 127 của Bộ luật dân sự năm 2005, tuyên bố giao dịch C cố quyền sử dụng đất giữa ông L V B, bà Đ T X với ông L V C, bà Nguyễn Thị Hoài T là vô hiệu; buộc ông C, bà T trong thời hạn 05 tháng có nghĩa vụ giao trả 02 phần đất đã nêu ở phần trên lại cho ông B, bà X. Buộc ông B, bà X có nghĩa vụ hoàn trả cho ông C, bà T số tiền 100.000.000 đồng và 03 lượng vàng 24k.

[5] Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: Ngân hàng T mại cổ phần K L đã tạm ứng số tiền 6.500.000 đồng, đã chi phí hết số tiền 750.000 đồng. Buộc ông L V B, bà Đ T X có nghĩa vụ nộp số tiền 750.000 đồng để hoàn trả cho Ngân hàng T mại cổ phần K L; Ngân hàng T mại cổ phần K L được nhận lại số tiền chi còn thừa là 5.750.000 đồng.

[6] Về án phí xét xử dân sự sơ thẩm có giá ngạch, buộc ông L V B, bà Đ T X phải chịu theo quy định pháp luật.

[7] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26; 35; 39; khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 280, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL ngày 17/8/2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T mại cổ phần K L đòi ông L V B, bà Đ T X trả nợ vay gốc và nợ vay lãi hợp đồng tín dụng số: 159/18/HĐTDNT/0203-5606 và Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 159/18/KUNN.CN ngày 24/5/2018.

2/ Buộc ông L V B, bà Đ T X có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng T mại cổ phần K L tạm tính đến ngày 01/11/2021 tổng số tiền gốc và lãi là 453.713.582 đ (Bốn trăm năm mươi ba triệu B trăm mười ba nghìn tám trăm năm mươi hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trong trường hợp ông L V B, bà Đ T X không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả nợ không đầy đủ thì Ngân hàng T mại cổ phần K L thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thi hành án tiến hành kê biên, bán tài sản thế theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và/ hoặc tài sản gắn liền với đất số 159/18/HĐTC-BDS/0203-5606 ngày 23/5/2018.

4/ Tuyên bố giao dịch C cố quyền sử dụng đất giữa ông L V B, bà Đ T X với ông L V C, bà Nguyễn Thị Hoài T là vô hiệu;

4.1/ Buộc ông C, bà T trong thời hạn 05 tháng có nghĩa vụ giao trả cho ông L V B, bà Đ T X các phần đất như sau:

4.1.1/ Phần đất thửa số 97, tờ bản đồ số 05 diện tích 7.865,5 m², tọa lạc ấp Mỹ Trinh, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, do hộ ông L V B và bà Đ T X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất có kích thước và định vị như sau:

Phía đông giáp đất ông Trương Văn Phụng, có cạnh 31,2 mét và L V C, có cạnh 19,4 mét;

Phía tây giáp đất ông L V B, có cạnh 51,2 mét.

Phía nam giáp đất ông L V C, có cạnh 153 mét.

Phía bắc giáp các phần đất từ đất ông Trương Văn Phụng đến phần đất ông Lê Văn Mol, có cạnh 153,9 mét.

4.1.2/ Phần đất thửa 1045, tờ bản đồ số 05 diện tích 3.375,3 m², tọa lạc ấp Mỹ Trinh, xã Hưng Phú, huyện Phước Long, do hộ ông L V B và bà Đ T X đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phần đất có kích thước và định vị như sau:

Phía đông giáp đất ông L V B, có cạnh 51,2 mét;

Phía tây giáp đất ông Nguyễn Văn Nghiệp, có cạnh 28,8 mét và đất ông Lê Văn Việt, có cạnh 19,8 mét + 2,32 mét.

Phía nam giáp đất ông Lê Văn Quân, có cạnh 63,7 mét.

Phía bắc giáp đất ông Lê Văn Mol, có cạnh 24,6 mét và đất ông Lê Văn Nghiệp, có cạnh 35,8 mét + 8,72 mét.

4.2/ Buộc ông L V B, bà Đ T X có nghĩa vụ hoàn trả cho ông L V C, bà Nguyễn Thị Hoài T số tiền 100.000.000 đồng và 03 lượng vàng 24k.

5/ Về chi phí thẩm định tài sản thế chấp: Ngân hàng T mại cổ phần K L đã tạm ứng số tiền 6.500.000 đ (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng), đã chi phí hết số tiền 750.000 đ (Bảy trăm năm chục nghìn đồng). Buộc ông L V B, bà Đ T X có nghĩa vụ nộp số tiền 750.000 đ (Bảy trăm năm chục nghìn đồng) để hoàn trả cho Ngân hàng T mại cổ phần K L; Ngân hàng T mại cổ phần K L được nhận lại số tiền chi còn thừa là 5.750.000 đ (Năm triệu Bảy trăm năm chục nghìn đồng).

6/ Về án phí xét xử dân sự có giá ngạch: Buộc ông L V B, bà Đ T X phải nộp số tiền án phí dân sự có giá ngạch 5% trên số tiền có nghĩa vụ trả là 22.148.543 đ (Hai mươi hai triệu một trăm bốn mươi tám nghìn năm trăm bốn mươi ba đồng) và 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự không có giá ngạch (hợp đồng C cố quyền sử dụng đất vô hiệu); Ngân hàng T mại cổ phần K L đã tạm ứng số tiền 9.012.000 đ (Chín triệu không trăm mười hai nghìn đồng) tại biên lai số 0009451 ngày 22/6/2020, sẽ được hoàn lại tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Phước Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án theo Điều 6, quyền nghĩa vụ theo các Điều 7, 7a và 7b; tự nguyện thi hành án, hoặc cưỡng chế thi hành án theo Điều 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt các đương sự, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật.

Nội nhân:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Phước Long;
- Nông sở;
- Ngõôi tham gia tố tụng khác;
- Lầu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Quách Thanh T

